

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực tập doanh nghiệp 2 - MH1104130

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25311MH110413001 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000	<i>[Signature]</i>		6.5	Sáu rưỡi	C26KT	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006	<i>[Signature]</i>		6.5	Sáu rưỡi	C26KT	
3	2410110004	Bạch Văn Hai	22/12/1996	<i>[Signature]</i>		7.5	Bảy rưỡi	C26KT	
4	2410110001	Fa Ti Hách	16/08/2001	<i>[Signature]</i>		6.5	Sáu rưỡi	C26KT	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004	<i>[Signature]</i>		6.0	Sáu	C26KT	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006	<i>[Signature]</i>		6.5	Sáu rưỡi	C26KT	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006	<i>[Signature]</i>		7.0	Bảy	C26KT	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006	<i>[Signature]</i>		6.0	Sáu	C26KT	
9	2410010014	Võ Phi Long	25/05/2005	<i>[Signature]</i>		6.0	Sáu	C26KT	
10	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006	<i>[Signature]</i>		5.5	Năm rưỡi	C26KT	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/06/2006	<i>[Signature]</i>		✓	✓	C26KT	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	12/02/2006	<i>[Signature]</i>		8.0	Tám	C26KT	
13	2410110024	Đáy Minh Nhur	13/07/2006	<i>[Signature]</i>		6.0	Sáu	C26KT	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Nhur	18/09/2006	<i>[Signature]</i>		6.5	Sáu rưỡi	C26KT	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006	<i>[Signature]</i>		6.0	Sáu	C26KT	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quỳnh	24/12/2006	<i>[Signature]</i>		6.5	Sáu rưỡi	C26KT	
17	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006	<i>[Signature]</i>		6.0	Sáu	C26KT	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006	<i>[Signature]</i>		6.5	Sáu rưỡi	C26KT	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	<i>[Signature]</i>		8.0	Tám	C26KT	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006	<i>[Signature]</i>		7.0	Bảy	C26KT	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy Tiên	28/10/2006	<i>[Signature]</i>		8.0	Tám	C26KT	
22	2410110020	Lê Đăng Tiến	23/02/2003	<i>[Signature]</i>		5.5	Năm rưỡi	C26KT	
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	<i>[Signature]</i>		7.5	Bảy rưỡi	C26KT	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004	<i>[Signature]</i>		5.5	Năm rưỡi	C26KT	
25	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006	<i>[Signature]</i>		5.0	Năm	C26KT	
26	2410110003	Lê Duy Trình	24/07/2005	<i>[Signature]</i>		6.0	Sáu	C26KT	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	<i>Trúc</i>		7.0	Bảy	C26KT	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	<i>Tuyền</i>		7.0	Bảy	C26KT	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	<i>Uyên</i>		6.0	Sáu	C26KT	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	<i>Vi</i>		6.0	Sáu	C26KT	

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 30-01 vắng thi: 01 . Số bài thi/Số tờ: / .

Số sinh viên đạt/không đạt: 29 /

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày...1...tháng...8...năm...2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Trần Thị Hoa.



Ngày...31...tháng...7...năm...2026.

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Nguyệt

Nguyễn Thị Nguyệt